

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Thiết bị tin học thuộc Trung tâm Y tế Kiên Lương năm 2025, mới 100%.
- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế Kiên Lương.
- Địa chỉ thực hiện bàn giao hàng hóa: Trung tâm y tế Kiên Lương; - Đ/C: Số 01 Trần Hưng Đạo, Khu phố Kiên Tân, Xã Kiên Lương, Tỉnh An Giang
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu hoạt động khám, chữa bệnh
- Hình thức đấu thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng
- Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ;
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2 Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số 562/QĐ-TTYT ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế Kiên Lương về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Thiết bị tin học thuộc Trung tâm Y tế Kiên Lương năm 2025, mới 100%..

2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

2.1. Yêu cầu chung

- Hàng hoá được sản xuất chính hãng và có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, từng chủng loại phải ghi rõ ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tuân thủ theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
- Hàng hóa cung cấp phải đảm bảo đồng bộ, mới 100% (chưa qua sử dụng), còn nguyên đai nguyên kiện theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất, sản xuất năm 2025 trở lại đây.
- Catalogue/tài liệu kỹ thuật trường hợp các tài liệu này bằng tiếng nước ngoài thì phải đính kèm bản dịch tiếng Việt và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác nội dung bản dịch.
- Có tài liệu hướng dẫn vận hành hệ thống bằng tiếng Việt.
- Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue và các tài liệu có liên quan (bản gốc) như: Tài liệu kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng... cho toàn bộ hàng hóa chào thầu để chứng minh hàng hóa do mình chào thầu là đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật.
- Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSMT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật là bản gốc của hãng sản xuất và bản dịch. Nhà thầu chào các TSKT của hàng hóa theo thứ tự yêu cầu và ghi rõ thông số kỹ thuật tham chiếu tại trang nào của catalogue hay tài liệu kỹ thuật.

Hàng hóa phải đáp ứng các yêu cầu về cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật và các yêu cầu khác như quy định dưới đây và là mức yêu cầu tối thiểu phải đạt hoặc chấp nhận được.

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Đvt	Số lượng
01	Bàn phím Dell có dây	– Hiệu: Dell – Model: KB216USB – Bàn phím kiểu thường, có dây, màu đen – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	10
02	Chuột máy tính có dây Dell MS116	– Hiệu: Dell – Model: MS116 – Loại chuột máy tính có dây, chiều dài dây 1,8m – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	10
03	Bàn phím không dây Logitech k270	– Hiệu: Logitech – Model: K270 – Loại bàn phím kiểu thường, không dây – Nước sản xuất: Thụy Sĩ –	Cái	01
04	Chuột không dây Logitech M240	– Hiệu: Logitech – Model: M240 – Loại chuột máy tính không dây – Nước sản xuất: Thụy Sĩ –	Cái	01
05	Mainboard Gigabyte H81	– Hiệu: Gigabyte – Model: M.GG.H81M.DS2 – Hỗ trợ bộ xử lý Intel® Core™ thế hệ thứ 4 – Công nghệ GIGABYTE Ultra Bền™ 4 Plus – GIGABYTE UEFI DualBIOS™ – Cổng USB 3.0 với nguồn USB GIGABYTE 3x – Sạc / Tắt GIGABYTE™ cho thiết bị USB – LAN với khả năng bảo vệ cao – Cổng LPT, COM, D-SUB trên bảng điều khiển phía sau – Tắt cả các thiết kế tụ điện rắn – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	02
06	Mainboard H110 Gigabyte	– Hiệu: Gigabyte – Model: H110-DS2 – Chuẩn mainboard: Micro-ATX – Socket: LGA 1151, Chipset: H110	Cái	05

		– Hỗ trợ RAM: DDR4 , tối đa 32GB – Cổng cắm lưu trữ: 4 x SATA 3 6Gb/s – Cổng xuất hình: 1 x VGA/D-sub – Nước sản xuất: Việt Nam –		
07	MAIN MSI H610M-E DDR4 Pro	– Hiệu: MSI – Model: Pro H610M-E DDR4 – CPU hỗ trợ: Intel – Chipset: Intel H610 Chipset – RAM hỗ trợ: 2 khe cắm bộ nhớ DDR4, hỗ trợ lên đến 64GB – Khe cắm mở rộng: + 1 khe cắm PCIe 16 (Từ CPU): Hỗ trợ tối đa PCIe 4.0 x 16 + 1 khe cắm PCIe 1 (Từ chipset H610): Hỗ trợ PCIe 3.0 x 1 – Ổ cứng hỗ trợ: + 4 x SATA 6Gb/s (Từ chipset H610) + 1 x khe cắm M.2 (Key M) (Từ CPU): Hỗ trợ tối đa PCIe 3.0 x 4 và Hỗ trợ thiết bị lưu trữ 2242/2260/2280 – Cổng kết nối (Internal): + 1 đầu nối USB 3.2 Gen 1 5Gbps (Từ chipset H610): Hỗ trợ thêm 2 cổng USB 3.2 Gen 1 5Gbps + 2 đầu nối USB 2.0 Type-A (Từ Hub-GL850G): Hỗ trợ thêm 4 cổng USB 2.0 – Đầu nối quạt: 1 đầu nối quạt CPU 4 chân và 2x đầu nối quạt hệ thống 4 chân – Cổng kết nối (Back Panel): HDMI, VGA, chuột/bàn phím, USB 3.2 Gen 1 5Gbps Type-A, cổng mạng LAN, đầu nối âm thanh, USB 2.0 – Mạng LAN/Không dây: 1 x Bộ điều khiển LAN Realtek® RTL8111H 1Gbps – Kích thước: 23,6 x 20 (cm) – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	05
08	Ổ SSD 256GB	– Hiệu: Samsung – Model: 870 EVO 250GB (MZ-77E250BW) – Nước sản xuất: Việt Nam – Kích thước: 2,5inch	Cái	10

		– Giao diện: SATA 3 – Dung lượng: 256GB – Tốc độ đọc/ghi: 560 MB/s/530 MB/s – Tốc độ đọc/ghi 4K (Tối đa): 98,000 IOPS/88,000 IOPS – Kiểu Flash: TLC (Samsung V-NAND 3bit MLC) –		
09	Ổ Cứng HDD Western Digital Blue 500GB (3.5" / 7200RPM / 16MB)	– Hiệu: Western Digital – Model: WD5000AAKX – Dung lượng: 500GB – Bộ nhớ đệm: 16MB – Tốc độ vòng quay: 7200RPM – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	05
10	Ram DDR4 bus 2666 - 8GB	– Hiệu: Kingston – Dung lượng cấu hình: 1x8GB – Chuẩn kết nối: DDR4 – Tương thích : Intel & AMD Chipset – Bus XMP: 2666 Mhz – Độ trễ XMP: CL19-19-19 – Điện áp XMP: 1.2V – Tự sửa lỗi ECC: Không – Tản nhiệt: Có – LED: Không – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	05
11	Ram DDR4 bus 3200 - 8GB	– Hiệu: Kingston – Dung lượng cấu hình: 1x8GB – Chuẩn kết nối: DDR4 – Tương thích : Intel & AMD Chipset – Bus XMP: 3200 Mhz – Độ trễ XMP: CL16-18-18 – Điện áp XMP: 1.35V – Tự sửa lỗi ECC: Không – Tản nhiệt: Có – LED: Không – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	05
12	Cáp tín hiệu HDMI 20m Ugreen	– Hiệu: Ugreen – Model: CABL0139 – Tốc độ truyền dữ liệu lên đến 2.10,2 Gb/s – Cáp có độ dài 20m	Sợi	02

		– Tích hợp thêm tính năng Audio Return Channel – Nước sản xuất: Trung Quốc –		
13	Cáp VGA 20m Ugreen 11635	– Hiệu: Ugreen – Model: 11635 – Độ dài cáp: 20m – Nước sản xuất: Trung Quốc – 	Sợi	01
14	Card ghi hình AV Svideo chuẩn PCI-E AverMedia C725	– Hiệu: AverMedia – Model: C725 – Nước sản xuất: Đài Loan –	Cái	03
15	Card mạng có dây	– Hiệu: TP – Link – Model: TG-3468 – Card mạng PCI Express Gigabit 32-bit, – Realtek RTL8168E, – Cổng RJ45 10/100/1000Mbps, – Auto MDI/MDIX – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	05
16	Card PCI-E to 2 RS232 Unitek Y-7504 Moschip MCS9922	– Hiệu: Unitek – Model: Y-7504 – Chipset: Moschip MCS9922 – Nước sản xuất; Trung Quốc	Cái	01
17	Nguồn máy tính 500W	– Hiệu: Segotep – Điện áp đầu vào: 170- 264Vac / 4A/ 50Hz – Công suất thực: 400W – Công suất tối đa: 500W – Quạt làm mát: 120mm fan, Max – Sử dụng cảm biến nhiệt độ AI Cooler độc quyền – Số lượng cable kết nối: 1 x ATX 24-PIN (20+4) + 1 x EPS/ATX12V 8-PIN (4+4) + 2 x PCIe 8-PIN (6+2) + 1 x SATA (2 SATA) + 1 x SATA (3 SATA) – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
18	Nguồn đồng bộ HP 400G7 480G7-880G9 Pro MT PCK018 D19-260P1A L70041-004 L70041-002 -	– Hiệu: HP – Model: D19-260P1A L70041-004 L70041-002 – Công suất: 260W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	01

	260w 4pin+4pin			
19	Nguồn Power Adaptor AC-DC 5V 2A Acbel	– Hiệu: Agigato – Điện áp đầu vào: AC 100V-240V 50-60Hz – Điện áp ra: DC 5V – Cường độ dòng điện: 2A – Điều chế: chỉnh độ rộng xung – Hiệu quả hoạt động: 85% – Sản lượng gợn: 100mVp-p – Điện áp đầu ra chính xác: 95% – Đầu jack: 3,5 x 1,35mm ; 5,5 x 2,5mm – Cáp đầu ra: 1,2 m – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	07
20	Nguồn Power Adaptor AC-DC 12V 2A Acbel	– Hiệu: Acbel – Loại sạc: Sạc chính hãng theo máy – Điện áp đầu vào: 100-240V 50/60Hz – Điện áp đầu ra: 12V 2A acbel – Kích thước đầu chân cắm: 5,5mm x 2,1mm – Độ dài dây sạc: 1,5 mét – Sử dụng cho các thiết bị như camera, đèn led, màn hình, HDD Box, thiết bị mạng và các thiết bị điện tử khác – Trọng lượng: 150g – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	07
21	Switch chia mạng 24 cổng Cisco 1000MBPS	– Hiệu: Cisco – Model: SB CBS110 – Nước sản xuất: Trung Quốc – 24 cổng 10/100/1000Mbps tự động chuyển chế độ cáp thẳng hoặc chéo (MDI/MDI-X). 02 Slot Mini GBit sử dụng các module MiniGbit SFP – Hoạt động ở 2 chế độ half- or full-duplex cho mỗi cổng – Thiết kế để bàn hoặc lắp trên Rack – Nguồn điện: 110-240VAC, 50-60 Hz, internal, universal – Kích thước: 279,4 × 44,45 x 170 (mm) –	Cái	01
22	Switch chia mạng 24 cổng Tplink	– Hiệu: Tplink – Model: TL-SG1024D	Cái	02

	1000MBPS	– Nước sản xuất: Trung Quốc – Tốc độ LAN: Gigabit (1000Mbps) – Số cổng: 24 Cổng – Cổng kết nối: 24 x cổng RJ45 10/100/1000Mbps (Hỗ trợ tự động chuyển đổi MDI / MDIX) – Switch cổng quang: Không tích hợp – Switch quản lý: Unmanaged Switch – Switch POE: Không tích hợp – Kiểu Switch: Switch Gigabit (1000Mbps) – Chất liệu vỏ: Vỏ Thép – Mô tả khác: Công nghệ tiết kiệm năng lượng sáng tạo giúp tiết kiệm năng lượng tiêu thụ – Hỗ trợ tự học địa chỉ MAC, tự động MDI/MDIX và đàm phán tự động – Thiết kế cắm vào và sử dụng –		
23	Switch chia mạng 8 cổng 1000MBPS	– Hiệu: Cisco – Model: SB CBS110 Unmanaged 8-port GE – Thiết bị chuyển mạch Cisco SB CBS110 Unmanaged 8-port GE, Desktop, Ext PS_CBS110-8T-D-EU – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	08
24	Đầu nối dây mạng Rj45 Ugreen 20390 20311 NW114 (Lan 1Gbps 8 chân đồng)	– Hiệu: Ugreen – Tính năng: Nối dây mạng RJ45 – Model: 20311 màu trắng – Model: 20390 màu đen – Kích thước: 47 x 27 x 27 (mm) – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	07
25	Router cân bằng tải Draytek	– Hiệu: DrayTek – Model: Vigor2927 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	02
26	Cụm drum Unit Bizhub 227/287/367 DR312-Drum (CET7372U) (Máy	– Hiệu: Unit – Model: DR-312 – Sử dụng cho máy photo bizhub 367 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cụm	01

	photo bizhub 367)			
27	Cụm drum máy photocopy Sharp BP 30m35	– Hiệu: Sharp – Model: AR-270DR – Sử dụng cho máy photocopy Sharp BP 30m35 – Nước sản xuất: Nhật Bản	Cụm	02
28	Cụm drum HP Pro MFP M436NDA/ M436N (CF257A)	– Hiệu: Unit – Model: CF257A – Tuổi thọ Drum: Khoảng 40.000 trang – Độ phủ: 5% – Sử dụng cho máy: HP Pro MFP M436NDA và HP Pro MFP M436N – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cụm	01
29	Cụm drum Brother 2321d	– Hiệu: ONT – Model: DR2385 ONT – Nước sản xuất: Việt Nam – Máy in tương thích: Brother DCP-L2520D, Brother HL-L2321D, Brother HL-L2366DW –	Cụm	07
30	Cụm drum Brother TN 2280	– Hiệu: ONT – Model: DR 2255 ONT – Nước sản xuất: Việt Nam –	Cụm	02
31	Cụm drum 17A HP	– Hiệu: HP – Máy in tương thích HP M130A/ M102W/ M102A – Nước sản xuất: Việt Nam	Cụm	02
32	Hộp mực 17a	– Hiệu: HP – Máy dùng: HP LaserJet Pro M102a/ M102w/ M130a / M130fn / M130fw / M130nw – Định lượng: 1.600 trang in (5% độ phủ) – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Hộp	02
33	Hộp mực laser 05A	– Hiệu: HP – Model: CE505A – Máy in tương thích HP P2035/ P2055 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Hộp	10
34	Hộp mực 057	– Hiệu: Canon	Hộp	13

	(LBP223)	– Hộp mực Canon 057 dùng cho máy in Canon LBP223 – Định lượng: 3.100 trang A4 độ phủ 5% – Nước sản xuất: Việt Nam		
35	Hộp mực laser 12A	– Hiệu: ONT – Model: 12A ONT – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401d/ M425, P2035, P2055 – Canon LBP 251DW, 252DW, MF416DW – – Số trang in: 2.300 trang A4 – Mực màu đen – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	15
36	Hộp mực laser 26A	– Hiệu: ONT – Model: 26A ONT – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Số lượng trang in: 3.100 trang – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	18
37	Hộp mực laser 35A	– Hiệu: ONT – Model: 35A ONT – Dùng cho máy in Hp1102w – Mực màu đen – Số lượng in: 1.600 trang – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	12
38	Hộp mực laser 76A	– Hiệu: ONT – Model: 76A ONT không chip – Dùng cho máy in Hp 404dn – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	25
39	Hộp mực laser 78A	– Hiệu: ONT – Model: 78A ONT – Dùng cho máy in Canon 6230 ONT – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	12
40	Hộp mực laser 83A	– Hiệu: ONT – Model: 83A ONT – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M125a, M127a – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	02
41	Hộp mực laser 85A	– Hiệu: ONT – Model: 85A ONT – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Việt Nam	Hộp	10
42	Hộp mực máy photocopy Bizhub	– Hiệu: Minolta – Model: TN323	Hộp	10

	367	– Số bản in 17.500 Trang, độ phủ 5% – Mực dùng cho máy photocopy Bizhub 367/227/287 – Nước sản xuất: Trung Quốc		
43	Hộp mực máy photocopy Sharp 30M35	– Hiệu: Sharp – Model: AT300 – Số bản in 23.000trang A4, độ phủ 5% – Mực dùng cho máy photocopy Sharp 30M35 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Hộp	20
44	Hộp mực in máy HP Pro MFP M436NDA/ M436N (Mã CF256A)	– Hiệu: HP – Model: CF256A – Mực dùng cho máy in HP Pro MFP M436NDA/ M436N – Nước sản xuất: Trung Quốc	Hộp	05
45	Bộ mực nạp + Chíp HP CF 256A dùng cho máy in HP M436n- M436dn - M436nda (56A)	– Hiệu: HP – Mực + chíp dùng cho máy in HP M436n- M436dn - M436nda (56A) – Nước sản xuất: Trung Quốc	Bộ	05
46	Drum máy photocopy Sharp 30M35	– Hiệu: CET – Drum (trống) dùng cho máy photocopy Sharp 30M35 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	04
47	Chip máy photocopy Sharp 30M35 (bao gồm chi phí thay Chip)	– Hiệu: Sharp – Chip dùng cho máy photocopy Sharp 30M35 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	20
48	Drum máy photocopy Bizhub 367 (bao gồm chi phí thay Drum)	– Hiệu: Sindo – Model: DR312-Drum – Dùng cho máy photocopy Bizhub 367	Cái	02
49	Chip máy photocopy Bizhub 367 bao gồm chi phí thay chip)	– Hiệu: Konica – Chip dùng cho máy photocopy Bizhub 367 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	10
50	Mực nạp 17a	– Hiệu: inkMax	Bình	08

		– Model: IM-17 – Trọng lượng: 50g – Màu mực: Màu đen – Nước sản xuất: Việt Nam –		
51	Mực nạp máy in IM-37	– Hiệu: inkMax – Model: IM-37 – Sử dụng đồng bộ cho hộp mực HP 35A, 36A, 78A, 83A, 85A, 88A, Canon LBP CRG 312, 325, 328 – Nước sản xuất: Việt Nam –	Bình	100
52	Mực nạp máy in IM-12	– Hiệu: inkMax – Model: IM-12 – Sử dụng đồng bộ sử dụng cho: HP (1215, 1515, 1510, 1518, 1525, M251) và Canon (5050, 8050) – Nước sản xuất: Việt Nam –	Bình	100
53	Mực nạp máy in Brother 2385	– Hiệu: Inkmax – Model: TN-2385 – Dùng cho các dòng máy Brother 2321D, 2366, 2361, 2701D, 1211, 1111 không bóng chữ – Số lượng in: Khoảng 12.000 trang – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Bình	45
54	Mực nạp máy in Brother 2280	– Hiệu: Inkmax – Model: TN-2280 – Dùng cho các dòng máy Brother 2321D, 2366, 2361, 2701D, 1211, 1111 không bóng chữ – Số lượng in: Khoảng 12.000 trang – Nước sản xuất: Trung Quốc	Bình	15
55	Drum máy in 12A	– Hiệu: HP – Model: 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	25
56	Drum máy in 26A	– Mã sản phẩm: Drum 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25

57	Drum máy in 35A	– Mã sản phẩm: Drum 35A – Dùng cho máy in Hp1102w – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25
58	Drum máy in 49A	– Mã sản phẩm: Drum 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	05
59	Drum máy in 76A	– Mã sản phẩm: Drum 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25
60	Drum máy in 78A	– Mã sản phẩm: Drum 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25
61	Drum máy in 80A	– Mã sản phẩm: Drum 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25
62	Drum máy in 85A	– Mã sản phẩm: Drum 85A – Dùng cho máy in Hp P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	25
63	Gạt lớn 12A	– Loại gạt mực đa năng 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	15
64	Gạt lớn 26A	– Loại gạt mực đa năng 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
65	Gạt lớn 35A	– Loại gạt mực đa năng 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
66	Gạt lớn 49A	– Loại gạt mực đa năng 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	05
67	Gạt lớn 76A	– Loại gạt mực đa năng 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
68	Gạt lớn 78A	– Loại gạt mực đa năng 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
69	Gạt lớn 80A	– Loại gạt mực đa năng 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15

70	Gạt lớn 85A	– Loại gạt mực đa năng 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
71	Gạt nhỏ 12A	– Loại gạt mực đa năng 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	15
72	Gạt nhỏ 26A	– Loại gạt mực đa năng 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
73	Gạt nhỏ 35A	– Loại gạt mực đa năng 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
74	Gạt nhỏ 49A	– Loại gạt mực đa năng 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	03
75	Gạt nhỏ 76A	– Loại gạt mực đa năng 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
76	Gạt nhỏ 78A	– Loại gạt mực đa năng 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
77	Gạt nhỏ 80A	– Loại gạt mực đa năng 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
78	Gạt nhỏ 85A	– Loại gạt mực đa năng 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	15
79	Trực từ 12A	– Loại trực từ 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	25
80	Trực từ 26A	– Loại trực từ 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
81	Trực từ 35A	– Loại trực từ 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
82	Trực từ 49A	– Loại trực từ 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	03

83	Trục từ 76A	– Loại trục từ 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
84	Trục từ 78A	– Loại trục từ 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
85	Trục từ 80A	– Loại trục từ 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
86	Trục từ 85A	– Loại trục từ 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
87	Trục cao su 12A	– Loại trục cao su 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	10
88	Trục cao su 26A	– Loại trục cao su 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
89	Trục cao su 35A	– Loại trục cao su 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
90	Trục cao su 49A	– Loại trục cao su 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
91	Trục cao su 76A	– Loại trục cao su 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
92	Trục cao su 78A	– Loại trục cao su 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
93	Trục cao su 80A	– Loại trục cao su 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
94	Trục cao su 85A	– Loại trục cao su 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	10
95	Bao lụa 12A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02

		–		
96	Bao lụa 26A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
97	Bao lụa 35A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
98	Bao lụa 49A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	01
99	Bao lụa 76A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
100	Bao lụa 78A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
101	Bao lụa 80A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
102	Bao lụa 85A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Bao lụa 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
103	Rulo 12A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	02
104	Rulo 26A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
105	Rulo 35A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
106	Rulo 49A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	01
107	Rulo 76A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
108	Rulo 78A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02

109	Rulo 80A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
110	Rulo 85A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Rulo 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
111	Quả đào 12A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 12A – Dùng cho máy in Canon 2900 – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	02
112	Quả đào 26A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 26A – Dùng cho máy in Canon LBP 223DW – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
113	Quả đào 35A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 35A – Dùng cho máy in HP 1102W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
114	Quả đào 49A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 49A – Dùng cho máy in Canon LBP 3300 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	01
115	Quả đào 76A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 76A – Dùng cho máy in HP 404DN – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	03
116	Quả đào 78A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 78A – Dùng cho máy in Canon 6030W – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
117	Quả đào 80A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 80A – Dùng cho máy in HP Laserjet Pro M401D – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
118	Quả đào 85A (bao gồm chi phí nhân công thay thế)	– Quả đào (cao su kéo giấy) 85A – Dùng cho máy in HP P1005, P1006 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02
119	Cụm mực Brother 2280	– Hiệu: ONT – Model: TN-2280 ONT – Nước sản xuất: Việt Nam – Trang in: 2.600 Trang A4 với bản in có độ phủ mực 5% – Công nghệ in: Laser – Dùng được cho các model Brother: HL-2130; HL-2240D, HL-2250DN, HL-2270DW, DCP-7050, DCP-7060D,	Cái	03

		MFC-7360, MFC-7470DN, MFC-7860DW		
120	Cụm mực Brother 2321d	– Hiệu: ONT – Model: TN 2385 ONT – Loại mực in: laser trắng đen – Công suất: 2.600 trang (độ phủ 5%) – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	20
121	Cáp mạng Cat.6 UTP - DINTEK CAT.6 UTP 305m (1101-04032)	– Hiệu: Dintek – Model: CAT.6 UTP 305m (1101-04032) – Nước sản xuất: Đài Loan	Thùng	01
122	Đầu bấm mạng Dintek CAT6	– Hiệu: Dintek – Model: CAT6 UTP 1501-88052 – Hộp 100 đầu (cái) – Nước sản xuất: Đài Loan –	Hộp	02
123	Mực màu Epson 003	– Hiệu: Epson – Mã màu: 003 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Bộ	10
124	Cáp VGA 1,5m	– Hiệu: Ugreen – Cáp VGA 1,5m Ugreen 11630 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Sợi	07
125	Cáp HDMI 1.5M	– Hiệu: Ugreen – Cáp HDMI Ugreen 60820 1,5m hỗ trợ 4K2K Full HD 1080 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Sợi	07
126	Cáp nguồn máy tính 02 chân	– Hiệu: IEC-C13 – Loại dây nguồn 2 chân dài 1,5m tiết diện lõi 3x1mm – Nước sản xuất: Trung Quốc	Sợi	20
127	Cáp quang 1 FO	– Hiệu: Vinacap – Nước sản xuất: Việt Nam – Sợi quang tiêu chuẩn: G652.D – Số sợi quang: 1 sợi – Chiều dài: 1.000m/ cuộn / thùng	Thùng	01
128	Keo tản nhiệt ARCTIC MX4	– Hiệu: ARCTIC – Model: MX4-2022 – Nước sản xuất: Trung Quốc – Trọng lượng: 4 Gram – Mật độ: 2.50 g/cm³ – Độ nhớt: 870 poise – Điện trở: 3.8 X 10¹³ Ω-cm	Tuýp	02

		– Nhiệt độ hoạt động: -50~150 °C – Màu sắc dung dịch: Xám – Công suất dẫn nhiệt 8.5 W/mk – Ước tính số lần sử dụng PC: CPU & VGA 4 lần – Ước tính số lần sử dụng Laptop: CPU & VGA 8 lần –		
129	Đầu nối quang nhanh fast connector	– Đầu nối cáp quang SC / APC kết nối nhanh SC-APC/SC-UPC – Ứng dụng: FTTX, CATV Metro, LAN – Sử dụng: Dây nối, bộ chia PLC, đuôi heo – Nước sản xuất: Trung Quốc –	Cái	15
130	Máy in HP 4003dn laser	– Hiệu: HP – Model: Pro 4003DN – Loại máy laserjet – Chức năng: In – Khổ giấy: A4/A5 – Tốc độ in: 40 trang / phút – Độ phân giải: 1.200 x 1.200 (dpi) – In đảo mặt: Có – Cổng giao tiếp: USB/LAN – Hộp mực HP 151A (W1510A) (~3.050 trang) – Nước sản xuất: Việt Nam –	Cái	02
131	Máy in laser Canon 246DW	– Hiệu: Canon – Model: LBP 246DW – Tốc độ in A4: 40 trang / phút khổ A4 – Khổ giấy tối đa : A4 – Độ phân giải : 600 x 600 dpi. – Chất lượng in với công nghệ làm mịn ảnh : 1200 x 1200 dpi. – Bộ xử lý : 800MHz x 2 – Bộ nhớ chuẩn : 1GB – Ngôn ngữ in : UFR II, PCL 5e4, PCL6, Adobe® PostScript – In qua mạng Lan có dây và không dây WiFi – In hai mặt tự động – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	02

		–		
132	Máy in màu Epson L1210	– Hiệu: Epson – Model: EcoTank L1210 – Chức năng: In phun màu – Tốc độ in nháp: 33 trang trắng đen /phút, 15 trang màu /phút – Tốc độ in chuẩn: 10 trang trắng đen /phút, 5 trang màu /phút – Tốc độ in ảnh: 69 giây / ảnh (tiêu chuẩn) – Bản in đầu tiên: 10 giây trang trắng đen và 16 giây với màu – Độ phân giải in: 5760 x 1440 dpi – Khổ giấy: Legal, Letter, A4, 16K (195 x 270 mm), B5, A5, B6, A6, Hagaki (100 x 148 mm), 5 x 7", 5 x 8", 4 x 6", Envelopes: #10, DL, C6 – khay giấy vào: 100 tờ – Hỗ trợ hệ điều hành: Windows XP / XP Professional / Vista / 7 / 8 / 8.1 / 10; Windows Server 2003 / 2008 / 2012 / 2016 / 2019; Mac OS X 10.6.8 or later – Nguồn điện : AC 220 - 240V – Kết nối : USB 2.0 – Sử dụng hệ thống mực liên tục chính hãng gồm 4 màu: Màu đen - C13T00V100/C13T00V199, màu xanh - C13T00V200 / C13T00V299, màu đỏ - C13T00V300 / C13T00V399, màu vàng - C13T00V400 / C13T00V499 – Kích thước (WxDxH): 375 x 347 x 169 (mm) – Khối lượng: 2,8 kg – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	03
133	Máy quét mã vạch Zebra DS9308	– Hiệu: Zebra – Model: DS9308 – Chức năng: Quét mã vạch siêu thị, shop, nhà sách – Loại máy: 1D, 2D – Kết nối USB – Kích thước: 145 x 86 x 83 (mm) – Độ phân giải: 1280 x 800 – Nước sản xuất: Trung Quốc	Cái	03
134	Máy hút mực mini,	– Model: LS-BX-XC I	Chiếc	01

	hút bụi vệ sinh các loại máy văn phòng	– Điện áp sử dụng: 220V – Công suất điện tiêu thụ: 500W – Tần số: 50-60Hz – Công suất làm việc: 120m³ khí hút/giờ – Hiệu suất lọc: Hạt nhỏ đến 0,3 Micron, đạt 99.95% – Độ hút chân không tối đa: 18KPa – Tiếng ồn: 80-90 dB – Dung tích bình chứa: 0,5 lít – Kích thước, trọng lượng đóng gói: 390 x 235 x 240 (cm)/2,8kg – Kích thước, trọng lượng thân máy: 380 x 102 x 175 (cm)/1,35kg – Đây đủ phụ kiện thay thế như bầu lọc, ống, vòi (mua thêm) – Bảo quản: Nơi khô ráo thoáng mát, tránh môi trường hóa chất – Sử dụng đơn giản, mang xách nhẹ nhàng, tiện lợi – Nước sản xuất: Trung Quốc		
135	Máy chiếu Epson CO-FH01	– Hiệu: Epson – Model: CO-FH01 – Cường độ sáng: 3.000 Ansi lumens (ECO) – Độ phân giải: FULL HD 1920 x 1080 – Tuổi thọ bóng đèn: 12.000 giờ – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	01
136	AmPLY Nanomax	– Hiệu: Nanomax – Model: PA-2022A – Công suất: 1100W – Kết nối bluetooth 5.0, ngõ cắm USB, thẻ nhớ – Số lượng kênh 02 kênh Stereo – Nanomax chuẩn 5.0 (bắt sóng xa) – Tụ lọc điện 10.000mF x 2 – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	01
137	Micro để bàn	– Hiệu: Takstar – Model: MS-550 – Độ nhạy: -38dB ± 3dB (0dB = 1V / Pa tại 1kHz) – Đáp ứng tần số: 200 Hz-10 kHz – Trở kháng đầu ra: ≤ 2,2KΩ – Điện áp làm việc: 1,5-4,5V	Cái	01

		– Chiều dài dây: 2m – Kết nối plug: 3,5mm stereo – Nước sản xuất: Việt Nam		
138	Bút Laser trình chiếu Slide VSON VS35	– Hiệu: VSON – Model: VS35 – Bán kính hoạt động 100m – Kích thước: 138 x 20 x 16,5 (mm) – Bộ sản phẩm gồm: Bút laser , đầu USB, pin AAA, túi vải đựng bút – Dùng cho Windows, MacOS – Nước sản xuất: Việt Nam	Cái	01
139	Máy tính để bàn Asus S500TE-313100037W	– Hiệu: Asus – Model: S500TE-313100037W – CPU: Intel Core i3-13100 – Ram: 8GB – Ổ cứng: 256GB SSD – Ổ quang: không có – Kết nối: Wlan + Bluetooth – PSU: 200W – Phụ kiện: Phím + chuột – OS: Windows 11 Home SL – Nước sản xuất: Đài Loan	Bộ	07
140	Màn hình Vtech VTM D241 23.8 inch	– Hiệu: VTECH – Model: VTMD241 – Kích thước: 23,8 inch – Độ phân giải: 1920 x 1080 Full HD – Tấm nền: IPS – Tỷ lệ màn hình: 16:09 – Tần số: 75Hz – Tỷ lệ tương phản: 1000:1 – Độ sáng: 300cd/m² – Thời gian phản hồi: 5s – Góc nhìn: 178⁰ – Độ bao phủ: 72%NTSC 100% sRGB 85% DCI-P3 – Cổng kết nối: HDMI +VGA – Khối lượng: 2,4kg – Kích thước: 540 x 425 (mm) – Nước sản xuất: Việt Nam	Bộ	07
141	Máy bắt số tự động	– Hiệu: VHB – Model: QMS 100 – Nguồn cấp: AC 110V/220V, 50 ~ 60 Hz – Điện áp sử dụng: 24VDC	Cái	01

		– Giấy in: 79,5 ± 0,5mm – Cổng kết nối: USB – Nước sản xuất: Việt Nam		
142	Máy scan	– Hiệu: Epson – Model: DS-C330 – Máy quét nhỏ gọn, quét lên tới khổ A4 – Tốc độ quét nhanh lên tới 30 trang/phút / 60 hình/phút – Quét linh hoạt với chế độ Quét đường dọc và đường thẳng – Quét các loại phương tiện khác nhau bao gồm phong bì, giấy dài và thậm chí cả hộ chiếu – Kích thước: 29,6 x 10,4 x 12,5 (cm) – Nước sản xuất: Trung Quốc	Bộ	01
143	Tivi loại 32 inch	– Hiệu: Sony – Model: KD-32W830 – Kích cỡ màn hình: 32 inch – Độ phân giải: HD – Đèn nền: LED nền (Direct LED), Tấm nền: Hạng không công bố – Hệ điều hành: Google TV – Năm ra mắt: 2022 – Nước sản xuất: Việt Nam – Công nghệ hình ảnh: Nâng cấp hình ảnh X-Reality PRO; Màu sắc sống động Live Colour; Chuyển động mượt Motionflow XR 200 – Tiện ích: Điều khiển bằng giọng nói; Remote thông minh; Youtube... – Số lượng loa: 02 loa – Cổng kết nối: Wi-Fi; Cổng mạng LAN; Bluetooth, USB, HDMIRC	Cái	06

Ghi chú:

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu, danh từ riêng (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật chi tiết chỉ mang tính chất minh họa cho các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật của hàng hóa, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp của nhà thầu nhưng phải đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt" hơn hẳn so với yêu cầu tối thiểu.

Tương đương được hiểu là tương đương về mặt kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu

chuẩn công nghệ, Nhà thầu có thể chào hàng hóa được nêu trên hoặc loại hàng hóa khác nhưng phải chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt so với hàng hóa được nêu trên. Để chứng minh sự tương đương nhà thầu phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh. Nếu nhà thầu không có tài liệu chứng minh sự tương đương hoặc ưu việt hơn thì được xem là không đạt về mặt kỹ thuật.

Mục 2. Bản vẽ

Có bản vẽ chi tiết đính kèm

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

*** Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:**

- Chủ đầu tư sẽ trực tiếp kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa với sự chứng kiến của nhà

thầu.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa cung cấp cho gói thầu bất kỳ thời điểm nào và sẽ thông báo cho nhà thầu trước 02 ngày trước khi kiểm tra. Phương pháp kiểm tra/ thử nghiệm: mang hàng hóa bất kỳ để đi kiểm tra tại (bên thứ ba) cơ quan/đơn vị có thẩm quyền để kiểm tra chỉ tiêu chất lượng của hàng hóa (Chi phí kiểm tra/ thử nghiệm do nhà thầu chịu).

- Chủ đầu tư có quyền tiến hành các kiểm tra bổ sung. Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh.

- Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp. Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Mục 4 Các yêu cầu khác:

4.1 Mẫu đáp ứng kỹ thuật:

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo mẫu sau:
- Tên nhà thầu:
- Email:
- Điện thoại người phụ trách:

Stt	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu
1	Máy	Máy	Nhà thầu kê khai đầy đủ các thông tin yêu cầu.
I	Yêu cầu chung	Yêu cầu chung	
	Model: Hãng sản xuất: Hãng, nước chủ sở hữu: Xuất xứ: Năm sản xuất.....	<i>Tên thương mại: ghi tên theo tên trên sổ lưu hành (nếu có)</i> Model: Hãng sản xuất: Hãng, nước chủ sở hữu: Xuất xứ: Năm sản xuất.....	Nhà thầu cam kết và/hoặc cung cấp tài liệu theo yêu cầu. Ghi rõ tên tài liệu, số trang tham chiếu và trích dẫn nội dung cụ thể trong tài liệu tham chiếu thể hiện tính đáp ứng của hàng hóa của từng nội dung yêu cầu kỹ thuật.
II	Yêu cầu cấu hình	Cấu cấu hình cung cấp	
	-	-	Nhà thầu chào thầu đủ nội dung theo yêu cầu.
III	Yêu cầu kỹ thuật	Đặc tính, thông số kỹ thuật	
	-	-	Ghi rõ tên tài liệu, số trang tham chiếu và trích dẫn nội

Stt	Nội dung yêu cầu của E-HSMT	Nội dung E-HSDT	Tài liệu tham chiếu
			dung cụ thể trong tài liệu tham chiếu (bản gốc) thể hiện tính đáp ứng của hàng hóa của từng nội dung yêu cầu kỹ thuật. Tài liệu kỹ thuật phải được dùng công cụ đánh dấu (highlight) Xem các ví dụ dưới đây:
	Phương thức làm mát: làm mát bằng dầu hoặc nước và công tắc an toàn nhiệt.	Phương thức làm mát: làm mát bằng dầu với công tắc an toàn nhiệt.	Specifications trang 20: Cooling liquid Oil cooled X-ray tube with thermal safety switch
	Kiểm soát thể tích: IPPV, SIMV, S-IPPV hoặc nhiều hơn	Kiểm soát thể tích: IPPV, SIMV, S-IPPV	Brochure trang 11: Volume-controlled: IPPV, SIMV, S-IPPV
	Dạng sóng: bước sóng 0.25 Hz hoặc sóng sin 10 Hz	Dạng sóng: bước sóng 0.25 Hz hoặc sóng sin 10 Hz	Neurofax EEG-1200 Trang 4: Waveform shape 0.25 Hz step wave or 10 Hz sine wave

* Nhà thầu phải kê khai đầy đủ thông tin theo mẫu trên đây và cung cấp file scan bản in có ký, đóng dấu, hợp lệ của nhà thầu và file định dạng Word kèm E-HSDT. Nhà thầu phải đảm bảo và chịu trách nhiệm về sự thống nhất giữa nội dung file Word và file scan bản ký, đóng dấu.

* Mẫu này dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác các thông tin theo mẫu này. Nhà thầu phải chịu mọi trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại Khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

* Các tiêu chuẩn kỹ thuật của các nhà thầu nêu trong E-HSDT phải thể hiện trên catalogue và tài liệu kỹ thuật bản gốc và bản dịch (theo CDNT – 9).

4.2 Mẫu bảng kê khai hàng hóa.

STT	Nội dung E-HSDT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tên máy				
a	Yêu cầu chung Ký hiệu:..... Model: Hãng sản xuất: Hãng, nước chủ sở hữu: Xuất xứ: Năm sản xuất:				

STT	Nội dung E-HSDT	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
b	Yêu cầu cấu hình				
	-				
c	Yêu cầu kỹ thuật				
	- kê chi tiết thông số kỹ thuật dự thầu				
d	Yêu cầu khác				
	-				

4.3 Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSDT đăng tải trên Hệ thống:

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder như sau:

1. (Folder 1) Tính hợp lệ:

- Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký thư bảo lãnh.

2. (Folder 2) Năng lực kinh nghiệm:

- (File 1) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2022)
- (File 2) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2023)
- (File 3) Báo cáo tài chính năm ____ (ví dụ: 2024)
- (File 4) Xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế
- (File 5) Hợp đồng tương tự 1 (bao gồm hợp đồng, biên bản nghiệm thu/ thanh lý/ hóa đơn GTGT...)
- (File 6) Hợp đồng tương tự 2...
- ... và các tài liệu liên quan khác (nếu có)

3. (Folder 3) Kỹ thuật: Ngoài Bảng danh mục hàng hóa dự thầu, nhà thầu lập các folder riêng cho từng mặt hàng hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu **tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự mặt hàng theo E-HSMT, ví dụ:**

1. (Folder 3.1) Phần 1:

- (File 1) Giấy ủy quyền (bao gồm: ủy quyền từ hãng chủ sở hữu, ủy quyền từ nhà phân phối...)
- (File 2) Bản kết quả phân loại TTBYT
- (File 3) Sổ lưu hành (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu v.v...)
- (File 4) Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, ISO 9001, CE, FDA...)
- (File 5) Catalogue, tài liệu kỹ thuật
- (File 7) Instruction for Use
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)....

- **Lưu ý: đề nghị nhà thầu tách riêng từng file tài liệu kỹ thuật (catalogue, datasheet...), không gộp chung tất cả tài liệu kỹ thuật vào 1 file. Yêu cầu đặt tên file đúng theo tên tài liệu dùng để tham chiếu trong Bảng chào đáp ứng kỹ thuật và dùng công cụ đánh dấu (highlight) lên các nội dung kỹ thuật cụ thể chứng minh đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa theo yêu cầu..**

2. Folder 3.2 Phần 2: Trình bày tương tự như trên

4.4 Bảng kê hợp đồng tương tự và mã HS của hàng hóa

- Tính chất tương tự quy định tại bảng X là hợp đồng cung cấp thiết bị y tế, hoặc trong trường hợp nhà thầu xác định được mã HS của mặt hàng theo hướng dẫn tại ghi chú số (10) và số (11) của Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm tại Chương III, nhà thầu phải kê khai bảng tính giá trị hợp đồng tương tự theo mẫu dưới đây.

- Trong trường hợp nhà thầu tự xác định mã HS của hàng hóa, nhà thầu phải kê khai và đính kèm file excel và một bản scan có ký, đóng dấu của nhà thầu theo mẫu sau. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của thông tin được cung cấp. Bên mời thầu sẽ đánh giá tính chất và quy mô tương tự của hợp đồng nhà thầu kê khai theo mã HS trên cơ sở các thông tin tại bảng kê khai này và các tài liệu đính kèm. Ngoài hợp đồng tương tự, nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh mã HS của mặt hàng tương tự bằng các tài liệu hợp lệ liên quan (tờ khai hải quan).

STT	Yêu cầu của E-HSMT				Đáp ứng của E-HSDT					
	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Mã HS yêu cầu	Giá trị hợp đồng tương tự yêu cầu đối với từng mã HS (VND)	Hợp đồng tương tự	Nhà thầu liên danh trong hợp đồng tương tự (nếu có) ⁽²⁾	Hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện	Mã HS của hạng mục hàng hóa tương tự ⁽³⁾	Giá trị đã thực hiện của hạng mục hàng hóa tương tự	Tài liệu chứng minh hợp đồng hoàn thành
		(Ghi theo danh mục hàng hóa dưới đây)	(Nhà thầu xác định mã HS)	(Nhà thầu trích xuất theo yêu cầu tại Bảng X)	(Hợp đồng số: ... Ngày ký: ... Chủ đầu tư: ... Ngày hoàn thành: ...)	(Ghi: Nhà thầu độc lập hoặc nhà thầu liên danh)	(Ghi STT, tên thiết bị trong hợp đồng tương tự)	(Nhà thầu xác định mã HS)	(Ghi theo giá trị thực hiện thực tế)	(Ghi: - Biên bản nghiệm thu ngày ... - Biên bản thanh lý ngày ... - Hóa đơn GTGT ngày ... liệt kê các tài liệu liên quan khác (nếu có)...))